

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2025/HNGĐ- ST**

Ngày : 02-6-2024

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tài**

2. Bà **Lê Thị sáu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 306/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2025; Thông báo thay đổi lịch xét xử vụ án số 05/TB-TA ngày 12/5/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Như T**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Đường Tân Hiệp 2, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị G**, sinh năm 1987; NKTT: Thôn 8, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

(Anh Nguyễn Như T có đơn đề nghị vắng mặt; chị Trần Thị G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Như T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Như T và chị Trần Thị G chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 17/05/2006. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn là do anh T và chị Trần Thị G không hợp nhau, bất đồng nhau về quan điểm sống, dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không ai quan tâm ai. Anh Nguyễn Như T với chị Trần Thị G đã không còn chung sống cùng nhau và đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy anh Nguyễn Như T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Thị G.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 chung là Nguyễn Văn Thanh, sinh ngày 01/6/2007. Hiện nay con chung đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không phải sống phụ thuộc vào cha mẹ nên anh Nguyễn Như T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Như T trình bày anh và chị Trần Thị G không có tài sản chung nào nên anh Nguyễn Như T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Như T trình bày anh và chị Trần Thị G không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị G đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 27/3/2025 nhưng không được do anh Nguyễn Như T có đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, chị Trần Thị G đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Như T với chị Trần Thị G được ly hôn. Về con chung: do con chung là Nguyễn Văn Thanh, sinh ngày 01/6/2007 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành

vi dân sự nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Như T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Trần Thị G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

II. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Anh Nguyễn Như T yêu cầu giải quyết về ly hôn, giải quyết về con chung với chị Trần Thị G, có địa chỉ tại thôn 8, xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo L.

III. Về nội dung vụ án:

{1} Về quan hệ hôn nhân: Theo anh Nguyễn Như T trình bày anh T và chị Trần Thị G chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 17/05/2006. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn là do anh T và chị Trần Thị G không hợp nhau, bất đồng nhau về quan điểm sống, dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không ai quan tâm ai. Anh Nguyễn Như T với chị Trần Thị G đã không còn chung sống cùng nhau và đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy anh Nguyễn Như T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Thị G.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Nguyễn Như T có đơn xin vắng mặt còn chị Trần Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên hòa giải không thành. Tại phiên tòa anh Nguyễn Như T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Trần Thị G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất

khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã không liên lạc với nhau không hàn gắn tình cảm được nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử anh Nguyễn Như T và chị Trần Thị G được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} *Về con chung*: Xét lời khai của anh Nguyễn Như T, căn cứ vào giấy khai sinh anh Nguyễn Như T nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống anh Nguyễn Như T và chị Trần Thị G có 01 người con chung là Nguyễn Văn Thanh, sinh ngày 01/6/2007. Hiện nay con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự không có bệnh tật gì, không phải sống phụ thuộc vào bố mẹ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{3} *Về tài sản chung*: anh Nguyễn Như T trình bày quá trình chung sống hai người không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} *Về nợ chung*: Anh Nguyễn Như T trình bày quá trình chung sống hai người không có nợ chung nên không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc anh Nguyễn Như T phải chi 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Như T đối với chị Trần Thị G về việc “*Xin ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Như T và chị Trần Thị G được ly hôn.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Như T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Nguyễn Như T đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004582 ngày 23/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Anh Nguyễn Như T đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã Lộc Nam, huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Tài Lê Thị Sáu

Trần Thị Hà Vi

